



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 01 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng kiểm tra chất lượng
Laboratory: *Quality Control Department*

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
Organization: *DOMESCO Medical Import Export Joint Stock Corporation*

Số hiệu/ Code: VILAS 151

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Dược
Field: *Pharmaceutical*

Người quản lý: Trần Hữu Tài
Laboratory manager: *Tran Huu Tai*

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /01/2026 đến ngày /01/2031

Địa chỉ: Số 346, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Address: *No 346, Nguyen Hue Street, My Tra Ward, Dong Thap province, Vietnam*

Địa điểm: Số 346, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Location: *No 346, Nguyen Hue Street, My Tra Ward, Dong Thap province, Vietnam*

Điện thoại/ Tel: (+84) 277 3859370 (118)

Email: domesco@domesco.com; taith@domesco.com

Website: www.domesco.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 151

Lĩnh vực thử nghiệm: Dược

Field of testing: Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thuốc (thành phẩm) <i>Medicines (finished products)</i>	Tính chất/ mô tả <i>Description/ Character</i>		Dược điển Việt Nam, dược điển các nước và Tiêu chuẩn cơ sở do Bộ y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese Pharmacopoeia, Foreign Pharmacopoeias and In-house Specifications approved by MOH</i>
2.		Xác định độ đồng đều khối lượng <i>Test for uniformity of weight</i>		
3.		Xác định độ rã <i>Determination of Disintegration</i>		
4.		Xác định độ hòa tan <i>Determination of Dissolution</i>		
5.		Xác định độ pH <i>Determination of pH value</i>		
6.		Xác định độ mịn <i>Determination of fineness</i>		
7.		Xác định nhiệt độ nóng chảy <i>Determination of melting point</i>		
8.		Xác định tính tan/ độ tan <i>Determination of Solubility test</i>		
9.		Xác định độ đồng đều hàm lượng <i>Determination of Uniformity content</i>		
10.		Xác định góc quay cực và góc quay cực riêng <i>Determination of optical rotation and specific optical rotation</i>		
11.		Xác định hàm lượng nước Phương pháp Karl Fischer <i>Determination of water content Karl Fischer method</i>		
12.		Xác định mất khối lượng do làm khô <i>Determination of loss on drying</i>		
13.		Xác định chất chiết <i>Determination of extractives</i>		
14.		Xác định hàm lượng Nitơ toàn phần <i>Determination of Nitrogen total content</i>	1,23 mg/g	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 151

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
15.	Thuốc (thành phẩm) <i>Medicines (finished products)</i>	Định tính hoạt chất chính: phương pháp hóa học, UV-Vis; IR; TLC; HPLC (đầu dò UV, PDA); GC-FID <i>Identification of active pharmaceutical Ingredient: Chemical test; UV-Vis; IR; TLC; HPLC (with detector UV, PDA); GC-FID method</i>		Dược điển Việt Nam, dược điển các nước và Tiêu chuẩn cơ sở do Bộ y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese Pharmacopoeia, Foreign Pharmacopoeias and In-house Specifications approved by MOH</i>
16.		Xác định tạp chất liên quan: TLC, HPLC (đầu dò UV, PDA) <i>Determination of related substances: TLC, HPLC (with detector UV-VIS, PDA)</i>		
17.		Định lượng hoạt chất chính: UV-Vis; IR; HPLC (đầu dò UV, PDA); GC-FID, chuẩn độ (đo thể tích, chuẩn độ điện thế) <i>Assay of active pharmaceutical ingredients: UV-Vis; IR; TLC; HPLC (with detector UV, PDA); GC-FID method, titrimetric (volumetry, potentiometry)</i>		
18.		Thử giới hạn nhiễm khuẩn: – Tổng số vi khuẩn hiếu khí – Tổng số nấm men, nấm mốc – Vi khuẩn gram âm (-) dung nạp mật (<i>Enterobacteriaceae</i>) – <i>Salmonella</i> spp. – <i>Staphylococcus aureus</i> – <i>Pseudomonas aeruginosa</i> – <i>Escherichia coli</i> <i>Test for microbial contamination:</i> – <i>Total aerobic microbial count</i> – <i>Total yeasts and molds</i> – <i>Bile-tolerant gram-negative bacteria (Enterobacteriaceae)</i> – <i>Salmonella</i> spp. – <i>Staphylococcus aureus</i> – <i>Pseudomonas aeruginosa</i> – <i>Escherichia coli</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 151**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
19.	Thuốc (thành phẩm) <i>Medicines (finished products)</i>	Định lượng kháng sinh bằng phương pháp vi sinh vật (Erythromycin, Spiramycin) <i>Enumeration of Microbiological assay of antibiotics (Erythromycin, Spiramycin)</i>		Dược điển Việt Nam, dược điển các nước và Tiêu chuẩn cơ sở do Bộ y tế cấp số đăng ký <i>Vietnamese Pharmacopoeia, Foreign Pharmacopoeias and In-house Specifications approved by MOH</i>

Ghi chú/Note:

- Trường hợp Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the DOMESCO Medical Import Export Joint Stock Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*